TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **95**/2024/DS-ST
Ngày 17 - 4 - 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Minh.

Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1054/2023/TLST-DS ngày 20/12/2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2024/QĐXXST-DS ngày 04/3/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị L, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp H, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971 – Là người đại diện theo uỷ quyền (Hợp đồng uỷ quyền ngày 05/01/2024).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Bà Tạ Kim B, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2023 và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Vào ngày 08/02/2023 nguyên đơn cho bị đơn mượn số tiền 50.000.000 đồng, đến ngày 08/3/2023 nguyên đơn cho bị đơn mượn thêm số tiền 100.000.000 đồng (các khoản tiền cho bị đơn mượn là do nguyên đơn vay từ ông T1), việc cho mượn tiền không có làm giấy tờ gì, thời hạn trả là sau 07 ngày, nhưng đến hạn trả thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại các khoản

tiền mượn thì bị đơn cố tình lánh mặt và không trả, nên phát sinh tranh chấp. Các khoản vay từ ông T1 thì nguyên đơn đã trả lãi cho ông T1 tổng số tiền 31.500.000 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền 181.500.000 đồng (Trong đó: Nợ gốc 150.000.000 đồng, nợ lãi 31.500.000 đồng).

- Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và 02 lần để xét xử, nhưng bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục:* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ, nên khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bị đơn thanh toán nợ và bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[3] *Về pháp luật áp dụng:* Áp dụng quy định của Bộ luật dân sự hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết là phù hợp.

[4] *Về nội dung tranh chấp và xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[4.1] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng bao gồm thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp cho bị đơn biết được yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và sau khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì Tòa án cũng đã thông báo kết quả phiên họp cho bị đơn biết được các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để phản đối lại với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, và cũng không chứng minh việc đã thanh toán xong một phần hay toàn bộ số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, có căn cứ xác định thực tế bị đơn có mượn của nguyên đơn tổng số tiền vốn 150.000.000 đồng chưa thanh toán theo lời trình bày của nguyên đơn là đúng.

[4.2] Do đã chứng minh được bị đơn chưa thanh toán nợ gốc cho nguyên đơn, và bị đơn thực tế đã chậm trả khoản tiền nợ gốc, nên yêu cầu của nguyên đơn đối với tiền lãi trên nợ gốc chưa thanh toán là có căn cứ để xem xét. Lãi suất giới hạn theo quy định của pháp luật là 20%/năm. Hội đồng xét xử xét thấy số tiền lãi

31.500.000 đồng nguyên đơn yêu cầu so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật 20%/năm X với thời gian kể từ ngày vay cho đến hết ngày 17/4/2023 X nợ gốc là hoàn toàn phù hợp. Do đó, cần chấp nhận số tiền lãi trên nợ gốc chưa thanh toán theo yêu cầu của nguyên đơn là 31.500.000 đồng.

[4.3] Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên cần buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tổng số tiền 181.500.000 đồng (Trong đó: Nợ gốc 150.000.000 đồng, nợ lãi 31.500.000 đồng (tính đến hết ngày 17/4/2024) là đúng theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự (BLDS).

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đầy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vốn và tiền lãi nêu trên.

[5] *Về án phí:* Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 BLTTDS và điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (Nghị quyết 326). Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn đã dự nộp trước được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228 BLTTDS; Điều 463, Điều 466 BLDS; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đoàn Thị L.

Buộc bị đơn bà Tạ Kim B có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Đoàn Thị L tổng số tiền 181.500.000 đồng (Trong đó: Nợ gốc 150.000.000 đồng, nợ lãi 31.500.000 đồng)

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch:

- Buộc bị đơn bà Tạ Kim B phải nộp là 9.075.000 đồng (Chưa nộp).

- Nguyên đơn bà Đoàn Thị L đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước với số tiền là 4.538.000 đồng theo biên lai thu số: 0004290 ngày 19/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được hoàn lại toàn bộ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự, NTGTT khác;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Trương Huỳnh Hải